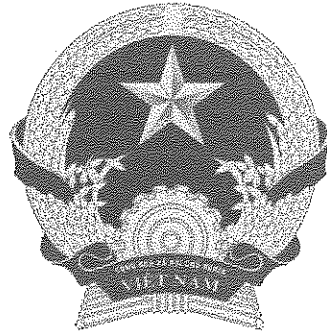


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

SỐ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐẾN SỐ: 5109.....
Ngày: 01.9.2018.



GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

SỐ 39/GP - UBND

Ngày cấp 31 - 8 - 2018

Số: 39 /GP-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 8 năm 2018

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 về việc Phê duyệt Báo cáo điều chỉnh, bổ sung "Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"; Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 của tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 06/8/2011 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 24/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi trong "Báo cáo kết quả thăm dò mỏ đá vôi Đồng Bèn 2, xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang";

Căn cứ Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi Đồng Bèn 2, xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 15121000119, chứng nhận lần đầu ngày 22/4/2015; Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khai thác mỏ đá vôi Đồng Bền 2, xã Thượng Ấm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Xét Đơn và hồ sơ xin khai thác khoáng sản ngày 20/8/2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn 27-7 (địa chỉ: thôn Hưng Thịnh, xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 269/TTr-STNMT ngày 21/8/2018 về việc đề nghị cấp giấy phép khai thác mỏ đá vôi Đồng Bền 2, xã Thượng Ấm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; ý kiến thẩm định Thiết kế cơ sở dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi Đồng Bền 2, xã Thượng Ấm, huyện Sơn Dương số 180/SXD-KT&VLXD ngày 25/8/2018 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn 27-7 được khai thác đá vôi bằng phương pháp lộ thiên có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại mỏ đá vôi Đồng Bền 2, xã Thượng Ấm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, với nội dung sau:

1. Diện tích khu vực khai thác: 110.000 m² (11,0 ha), được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 8 có tọa độ xác định theo Phụ lục số 1 và Bản đồ tỷ lệ 1:5.000 hệ VN.2000 (Phụ lục số 2) kèm theo Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác thấp nhất: Từ mức +192,0 m xuống đến mức + 70,0 m.

3. Trữ lượng

Trữ lượng địa chất cấp 121+122; trong đó:

- Khoáng sản chính: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 1.635.474 m³.

- Khoáng sản đi kèm: Đá hoa làm mỹ nghệ, ốp lát: 65.091 m³.

Trữ lượng khai thác cấp 121+122; trong đó:

- Khoáng sản chính: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 1.414.646 m³.

- Khoáng sản đi kèm: Đá hoa làm mỹ nghệ, ốp lát: 57.280 m³.

4. Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

5. Công suất khai thác: 60.000 m³/năm; trong đó:

- Năm thứ nhất: 10.000 m³/năm.

- Năm thứ hai đến năm thứ 24: 60.000 m³/năm.

- Năm thứ 25: 21.926 m³/năm.

6. Thời gian khai thác: 25 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn 27-7 có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất, quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

Sử dụng đúng phương tiện, thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản đã được Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định; nộp bản đăng ký thiết bị khai thác, chế biến, vận chuyển đá vôi (có kèm theo hồ sơ đăng ký, đăng kiểm của từng loại thiết bị, phương tiện khai thác, vận chuyển do cơ quan có thẩm quyền cấp) cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành khai thác.

4. Trước khi tiến hành khai thác phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và địa phương nơi có mỏ kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được cấp phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo quy định của pháp luật hiện hành. Xuất hàng phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp; cấp hàng vận chuyển phải đúng tải trọng cho phép không làm ảnh hưởng đến môi trường, cấp đường giao thông.

8. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;


Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

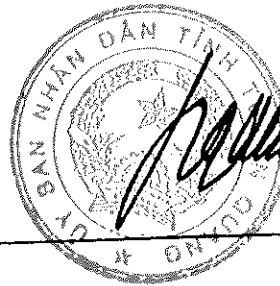
Trước khi tiến hành khai thác, Công ty trách nhiệm hữu hạn 27-7 phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng Thiết kế mỏ đã được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác, thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; hướng dẫn, kiểm tra Công ty trách nhiệm hữu hạn 27-7 trong quá trình tổ chức khai thác khoáng sản nêu tại Điều 1 Giấy phép này, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: 

- Công ty TNHH 27-7 (bản chính);
- UBND tỉnh (bản chính);
- Chủ tịch UBND tỉnh (bản sao);
- PCT UBND tỉnh Phụ trách TNMT (bản sao);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN (bản sao);
- Sở TNMT (bản chính);
- UBND huyện Sơn Dương (bản sao);
- Công an tỉnh (bản sao);
- Chuyên viên KS (bản sao);
- Lưu VT, (Đ 3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TOẠ ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 39 /GP-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Vị trí, diện tích	Điểm góc	Toạ độ VN.2000 (Kinh tuyến trục 106 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
11,0 ha	1	²⁴ 05.497	⁴ 31.576
	2	²⁴ 05.615	⁴ 31.490
	3	²⁴ 05.746	⁴ 31.461
	4	²⁴ 05.913	⁴ 31.368
	5	²⁴ 05.963	⁴ 31.698
	6	²⁴ 05.738	⁴ 31.698
	7	²⁴ 05.659	⁴ 31.742
	8	²⁴ 05.606	⁴ 31.816

ỦY BAN NHÂN DÂN

